TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA** *Số:43/2018/QĐST-HNGĐ*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *C,, ngày 12 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Duy N - Sinh năm: 1966

Trú tại: Thôn Ch, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: chị Dương Thị Ch - Sinh năm: 1967

Trú tại: Thôn Ch, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 54; 55, 81, 82 và điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 04 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: nguyên đơn anh Lê Duy N và bị đơn chị Dương Thị Ch

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Duy N và chị Dương Thị Ch.

- *Về con cái:* Vợ chồng có 3 con chung là Lê Phi Kh – Sinh năm: 1990; Lê Huy H – Sinh năm: 1991; Lê Kiều D – Sinh năm: 1995.

Nay các con đều đã đủ tuổi trưởng thành. Cháu Phi Kh đã lấy vợ, có gia đình riêng. Còn cháu Huy H và cháu Kiều D đã lớn, muốn ở với ai là tùy ở các cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147 - BLTTDS; khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. anh N, chị Ch mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Anh N nhận nộp cả phần án phí cho chị Ch. Anh N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0003619, ngày 20/3/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa được trừ vào tiền án phí DSST. Anh N còn được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA - TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Luyện